

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2020

V/v xác định con cho cha

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Chí Linh

Bà Phạm Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Trung T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 4B xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: Số 4/155 phố B, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 2/100 phố B, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Việt H1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22A/55 phố B, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 23/79 phố B, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng; hiện vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Trung T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị H có tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014. Khi đó chị H và chồng chị ấy là anh Trần Việt H1 đã sống ly thân, không còn gì ràng buộc từ năm 2012, nhưng chưa ly hôn, vì anh H1 bỏ đi hiện không có mặt tại địa phương. Đến ngày 24 tháng 5 năm 2015, chị H sinh cháu Đỗ Bảo N. Nhưng do anh và chị H chưa thể đăng ký kết hôn được với nhau nên trong Giấy khai sinh của cháu N không có họ tên cha và cháu vẫn mang họ của mẹ. Vì vậy, anh đã làm đơn đề nghị Tòa án trung cầu giám định ADN của anh và cháu Đỗ Bảo N. Kết quả giám định xác định anh và cháu N có quan hệ huyết thống cha - con. Để đảm bảo quyền và lợi hợp pháp cho anh và con, anh đề nghị Tòa án xác định cháu Đỗ Bảo N, do chị Đỗ Thị H sinh ngày 24 tháng 5 năm 2015 theo Giấy khai sinh số 105, quyền số: 01 Năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là con đẻ của anh - Phạm Trung T, sinh ngày 06/01/1977, số chứng minh nhân dân 162895167 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 27/3/2013.

Tại bản tự khai đề ngày 02/6/2020 và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, bị đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị xác nhận về nội dung như lời trình bày của anh T là đúng sự thật. Chị và anh Trần Việt H1 là vợ chồng hợp pháp, nhưng từ năm 2012 do phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân mỗi người một nhà và không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Hiện anh H1 sống ở đâu, như thế nào chị cũng không rõ, chỉ thỉnh thoảng anh H1 có gọi điện thoại về cho con chung của chị và anh H1. Trong thời gian sống ly thân với anh H1 đến tháng 02/2014 chị đã nảy sinh tình cảm và chung sống như vợ chồng với anh Phạm Trung T, sau đó có chị thai với anh T. Đến ngày 24 tháng 5 năm 2015, chị sinh cháu Đỗ Bảo N (Giấy khai sinh số 105, quyền số: 01 Năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng). Do chị sinh cháu N khi đang tồn tại quan hệ hôn nhân với anh H1 nên anh T đã đề nghị Tòa án trung cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa anh T và cháu N. Kết quả giám định xác định anh Phạm Trung T và cháu Đỗ Bảo N có quan hệ huyết thống cha - con. Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu N, chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T: Xác định cháu Đỗ Bảo N do chị sinh ngày 24 tháng 5 năm 2015 theo Giấy khai sinh số 105, quyền số: 01 Năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là con đẻ của anh Phạm Trung T, sinh ngày 06/01/1977, số chứng minh nhân dân 162895167 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 27/3/2013.

Sau khi thu lý vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 134/TB-TLVA ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Việt H1. Tuy nhiên, anh H1 vắng mặt tại địa phương, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, nhưng không rõ anh H1 hiện

nay ở đâu; gia đình anh H1 không hợp tác và cung cấp địa chỉ nơi ở hiện nay của anh H1 cho Tòa án. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định mẫu AND của nguyên đơn và cháu Đỗ Bảo N. Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân quận Hải An đã nhận được Kết luận giám định số: 50/2020/GĐSH ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “*Anh Phạm Trung T và cháu Đỗ Bảo N có quan hệ huyết thống trực hệ bố -con (Độ tin cậy $P_i > 99,99\%$)*”

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định cháu Đỗ Bảo N, do chị Đỗ Thị H sinh ngày 24 tháng 5 năm 2015 (theo Giấy khai sinh số 105, quyển số: 01 Năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng) là con đẻ của anh Phạm Trung T, sinh ngày 06/01/1977, số chứng minh nhân dân 162895167 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 27/3/2013. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về Xác định con cho cha thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Đỗ Thị H, cư trú tại số 2/100 phố B, phường Đ 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Trung T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Việt H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù chị Đỗ Thị H và anh Trần Việt H1 là vợ chồng hợp pháp, nhưng hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2012, hiện anh H1 vắng mặt tại nơi cư trú. Trong thời gian sống ly thân với anh H1, chị H thừa nhận có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với anh Phạm Trung T. Đến ngày 24 tháng 5 năm 2015, chị H sinh cháu Đỗ Bảo N (Giấy khai sinh số 105, quyền số: 01 Năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng). Xét lời khai của chị H phù hợp với lời khai của anh Phạm Trung T, phù hợp với Kết luận giám định số 50/2020/GĐSH ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: “*Anh Phạm Trung T và cháu Đỗ Bảo N có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con (Độ tin cậy $P_i > 99,99\%$)*”. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xác định cháu Đỗ Bảo N là con đẻ của anh là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Anh Phạm Trung T và chị Đỗ Thị H thỏa thuận anh T là người chịu cả Chi phí giám định AND xác định quan hệ huyết thống Cha – con. Anh T đã nộp đủ chi phí giám định cho Cơ quan T hành giám định nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 09/7/2020, anh T nhận chịu cả số tiền án phí phải nộp, xét đây là sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 89, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trung T: Xác định cháu Đỗ Bảo N, do chị Đỗ Thị H sinh ngày 24 tháng 5 năm 2015 theo Giấy khai sinh số 105, quyền số: 01 Năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là con đẻ của anh Phạm Trung T, sinh ngày 06/01/1977, số chứng minh nhân dân 162895167 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 27/3/2013.

2. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phạm Trung T về việc nhận chịu cả số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thay cho chị Đỗ Thị H; được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0005683 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình